

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê Hà Tĩnh, 2017, Niên giám thống kê Hà Tĩnh 2017.
2. Economopoulos A.P, 1993, Assessment of sources of air, water and land pollution: A guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating environmental control strategies. Part 1: Rapid inventory techniques in environmental pollution, WHO.
3. Economopoulos A.P, 1993, Assessment of sources of air, water and land pollution: A guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating environmental control strategies. Part 2: Approaches for consideration in formulating environmental control strategies, WHO.
4. Hong Kong Polytechnics University, 1993, Reduction of Construction Waste Final Report).
5. ICEM, 2016, Đánh giá tổn thương do biến đổi khí hậu tỉnh Hà Tĩnh, Trung tâm quốc tế về Quản lý Môi trường.
6. IFC, 1998, Thermal Power: Guidelines for New Plants, Pollution Prevention and Abatement Handbook, International Finance Corporation ,World Bank Group.
7. IFC, 2008, Environmental, Health, and Safety Guidelines for Thermal Power Plants, International Finance Corporation ,World Bank Group.
8. Lâm Minh Triết - Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
9. Nguyen Ba Thong, 2008, Assessment of demersal fishery resources of the southeast and southwest water of Vietna, based on bottom trawl surveys in 2000-2005, Fishery traning program. The United Nations University, Iceland – Research Institute for marine fisheries, Vietnam.
10. Nguyễn Chu Hồi, 2016, An ninh môi trường và hoà bình ở Biển Đông, Nhà xuất bản Thông tin và tuyên truyền.
11. Nguyễn Việt Anh, Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 2007.
12. Pory Energy Ltd, 2009, Báo cáo chuyên ngành khảo sát địa chất khu vực NMNĐ Vũng Áng II. Hồ sơ Báo cáo dự án đầu tư ‘Dự án NMNĐ Vũng Áng II.
13. Sở TN và MT Hà Tĩnh, 2016, Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
14. Thompson G. Pace, 2005, Methodology to estimate the transportable fraction of fugitive dust emissions for regional and urban scale air quality analyses, US-EPA.
15. Trần Ngọc Chấn, Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, Tập 1, Nhà xuất bản KHKT, 1999.
16. US-EPA, 2009, Current methodologies in preparing mblic source port-related emission.

17. US-EPA, 2011, Gray discharges from vessels.
18. US-EPA, AP-42, 2006, “Fifth edition 1995, Compilation of Air pollutant emission factors”, Office of Air Quality and Standards, USEPA, Update, 2006.
19. UTL, 2010, Construction and demolition waste indicators, Universidade Técnica de Lisboa.
20. Viện khí tượng thủy văn môi trường, 2009, Báo cáo đánh giá biến đổi khí hậu tỉnh Hà Tĩnh (Viện nghiên cứu chính sách, chiến lược tài nguyên và môi trường, 2009).
21. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn thực, 2016, Báo cáo Tư vấn kỹ thuật và phân tích khí hậu hiện tại và tương lai phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước tại Hà Tĩnh.
22. Viện nghiên cứu hải sản, 2018, Trung tâm dự báo ngư trường khai thác hải sản, <http://www.fistenet.gov.vn>.
23. Viện Vật lý địa cầu, 2009, Báo cáo chuyên ngành đánh giá nguy hiểm động đất khu vực NMNĐ Vũng Áng II. Hồ sơ Báo cáo dự án đầu tư ‘Dự án NMNĐ Vũng Áng II.
24. Vụ Kế hoạch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Atlas 2017, <http://vukehoach.mard.gov.vn/Default.aspx?bando>.